

Name: _____ Class: _____ School: _____ Date: _____ 2020

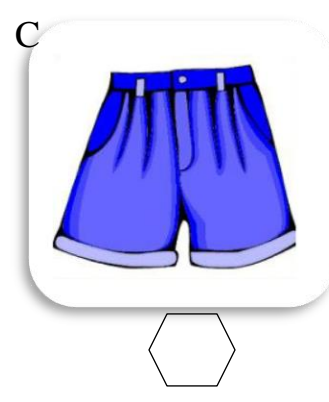
SUPPLEMENTARY EXERCISES - ENGLISH 2- GRADE 2

BÀI TẬP BỔ TRỢ TIẾNG ANH LỚP 2_TUẦN 1 THÁNG 4 NĂM 2020

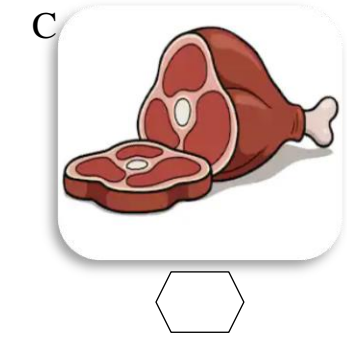
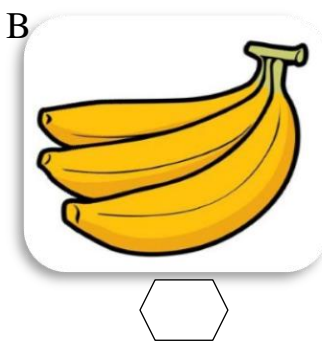
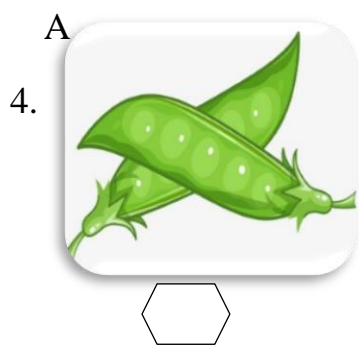
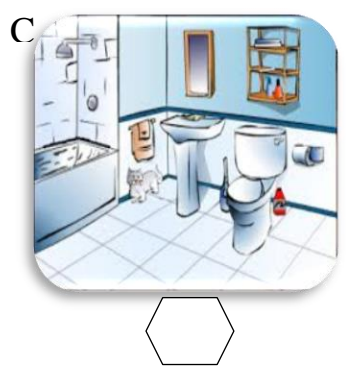
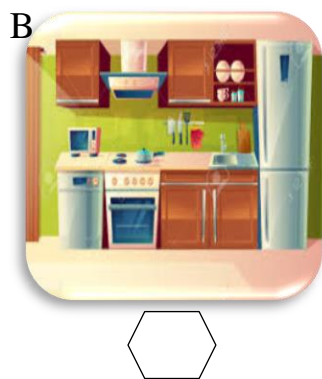
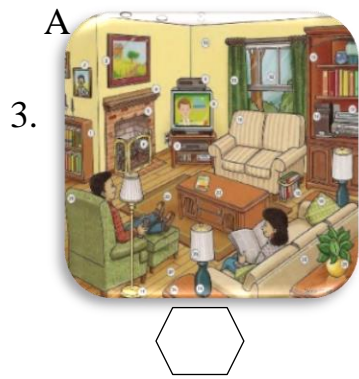
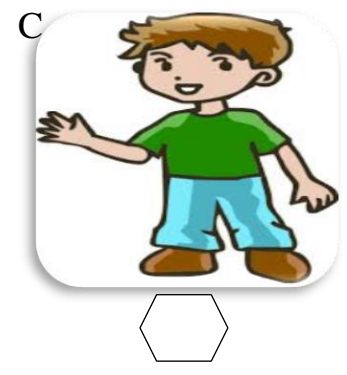
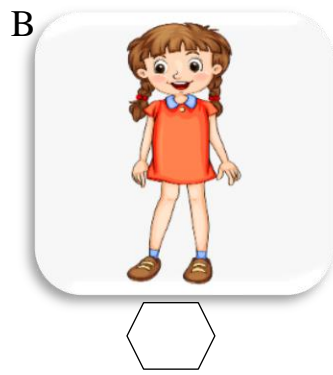
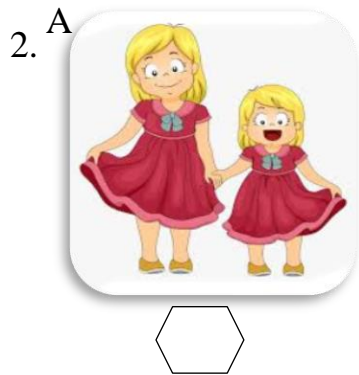
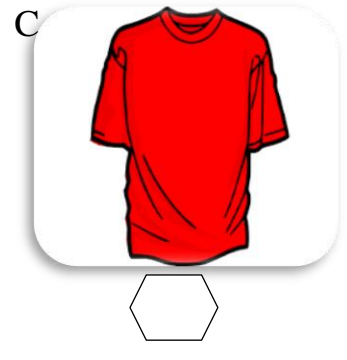
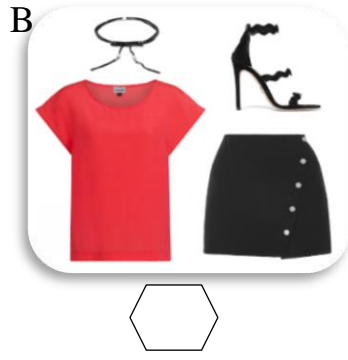
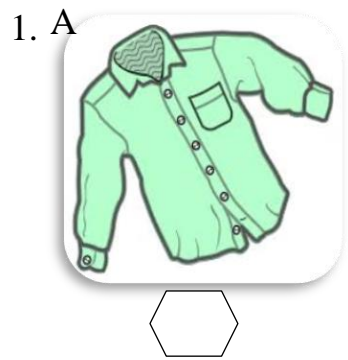
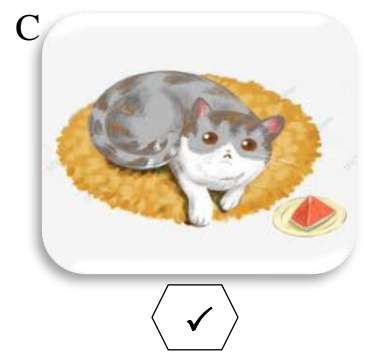
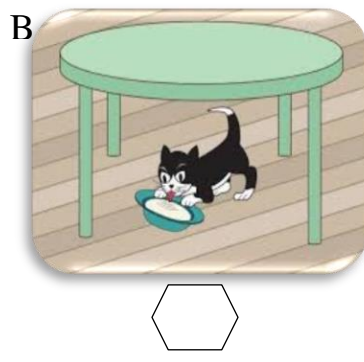
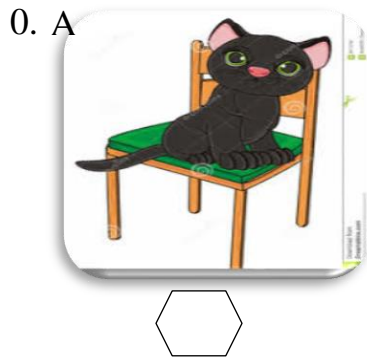


PART A: LISTENING

I. Listen and number the pictures from 1 to 4. There is one example. / Nghe và đánh số thứ tự các bức tranh phù hợp từ số 1 đến số 4. Có 1 ví dụ. (Có 1 tranh không sử dụng.)



II. Listen and tick ✓ the correct pictures. There is one example. / Nghe và đánh dấu ✓ vào ô bên dưới mỗi bức tranh đúng. Có một ví dụ.



III. Listen and circle A, B, or C to choose the correct word. There is one example. /

Nghe và chọn từ đúng. Có một ví dụ.

- | | | |
|---|----------------|-------------------|
| 0. <input checked="" type="radio"/> A. cake | B. cut | C. cat |
| 1. A. like | B. living room | C. live in a town |
| 2. A. skate | B. smile | C. skirt |
| 3. A. drink | B. dress | C. drive |
| 4. A. clothes | B. close | C. clean |



PART B: READING & WRITING

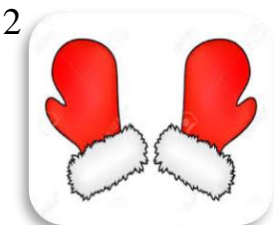
I. Read the sentences and match. There is one example. / Đọc các câu và nối với từng bức tranh. Có một ví dụ. (Có một bức tranh không dùng đến.)



a. My mother is a teacher.



b. He's wearing a T-shirt, shorts and shoes.



c. I have four skirts.



d. I have two brothers.



e. She's in the kitchen. She's cooking.

II. Look at the pictures and tick ✓ the correct words. Then read aloud. / Nhìn tranh và đánh dấu ✓ vào từ đúng. Sau đó đọc to từ vừa chọn.



park

school

garden

1.



living room



bedroom



kitchen



2.



socks



pants



jacket



III. Look at the pictures and circle A, B or C. Then read aloud. / Nhìn vào bức tranh và khoanh tròn A, B hoặc C. Sau đó đọc to cả câu.

0. - What are you wearing?

- I am wearing _____ .

A. trousers and a shirt

B. trousers and a jacket

C. shorts and a shirt



1. - What are you wearing?

- I am wearing _____.

A. a T- shirt and trousers

B. a T-shirt, a cap and shoes

C. a T-shirt, a cap, trousers and shoes



2. - Where are they?

- They are in _____.

A. the bedroom

B. the dining room

C. the bathroom



IV. Look and write the words to complete the sentences. There is one example. /

Hãy nhìn và viết các từ để hoàn thành câu theo mẫu.

0. I am wearing a dress.



1. I am wearing _____.



3. I am wearing _____.



2. I am wearing _____.



4. I am wearing _____.



